

- Đọc diễn cảm bài cho cả nhà cùng nghe.
- Tìm các văn bản có chủ đề về biển ....để luyện đọc thêm.
- Nhận xét tiết học.
- Dặn học sinh về nhà luyện đọc bài và chuẩn bị bài: *Tôm Càng và Cá Con*.

## ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

## TOÁN

### TIẾT 118: LUYỆN TẬP CHUNG

#### I. MỤC TIÊU:

##### **1. Kiến thức:**

- Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính nhân, chia trong trường hợp đơn giản.

- Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng chia 5)

- Biết tìm số hạng của một tổng; tìm thừa số.

**2. Kỹ năng:** Rèn cho học sinh kỹ năng tìm số hạng của một tổng; tìm thừa số và giải bài toán có một phép nhân (trong bảng chia 5)

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

\*Bài tập cần làm: bài tập 1,2,4.

**4. Năng lực:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

#### II. CHUẨN BỊ:

##### **1. Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

##### **2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, kỹ thuật động não

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<b>1. HĐ khởi động: (5 phút)</b>	
- TBHT điều hành trò chơi: <i>Truyền điện</i> : Tổ chức cho học sinh đọc thuộc lòng bảng chia 5.	- Học sinh tham gia chơi.
- Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương học sinh.	- Lắng nghe.
- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng:	- Học sinh mở sách giáo khoa,

<b>Luyện tập chung.</b>	trình bày bài vào vở.
<p><b>2. HĐ thực hành: (25 phút)</b></p> <p><b>*Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính nhân, chia trong trường hợp đơn giản.</li> <li>- Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng chia 5)</li> <li>- Biết tìm số hạng của một tổng; tìm thừa số.</li> </ul> <p><b>*Cách tiến hành:</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giao nhiệm vụ cho HS</li> <li>- GV trợ giúp HS hạn chế</li> <li>- TBHT điều hành HĐ chia sẻ:</li> </ul> <p><b>Bài 1: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn học sinh tính theo mẫu:  Tính <math>3 \times 4 = 12</math>  Viết <math>3 \times 4 : 2 = 12 : 2</math>  <math>= 6</math></li> <li>- Yêu cầu 3 em lên bảng chia sẻ kết quả.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh nhận xét bài trên bảng.</li> <li>- Đánh giá bài làm từng em.</li> </ul> <p><b>Bài 2: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu 4 em lên bảng chia sẻ kết quả, mỗi em làm một ý.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh nhận xét bài trên bảng.</li> <li>- Giáo viên đánh giá chung, tuyên dương.</li> </ul> <p><b>Bài 4: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài toán cho biết gì?</li> <li>- Bài toán hỏi gì?</li> <li>- Để tìm số con thỏ trong 4 chuồng, em thực</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện theo YC của GV</li> </ul> <p><b>*Dự kiến nội dung chia sẻ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh tự làm bài theo mẫu.</li> <li>- Kiểm tra chéo trong cặp.</li> <li>- 3 học sinh lên bảng làm bài, mỗi em làm một ý-&gt; chia sẻ:  a) <math>5 \times 6 : 3 = 30 : 3</math>  <math>= 10</math>  b) <math>6 : 3 \times 5 = 2 \times 5</math>  <math>= 10</math>  c) <math>2 \times 2 \times 2 = 2 \times 3</math>  <math>= 6</math></li> <li>- Học sinh nhận xét, sửa sai (nếu có).</li> <li>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</li> <li>- Kiểm tra chéo trong cặp.</li> <li>- 4 học sinh làm bài:  a) <math>x + 2 = 6</math>                      <math>x \times 2 = 6</math>  <math>x = 6 - 2</math>                      <math>x = 6 : 2</math>  <math>x = 4</math>                              <math>x = 3</math>  b) <math>3 + x = 15</math>                      <math>3 \times x = 15</math>  <math>x = 15 - 3</math>                      <math>x = 15 : 3</math>  <math>x = 12</math>                              <math>x = 5</math></li> <li>- Học sinh nhận xét.</li> <li>- Mỗi chuồng có 5 con thỏ.</li> <li>- 4 chuồng như thế có bao nhiêu con thỏ?</li> <li>- Để tìm số con thỏ trong 4 chuồng,</li> </ul>

hiện phép tính gì?

- Hỏi: Tại sao để tìm số con thỏ trong 4 chuồng, em lại thực hiện phép nhân  $5 \times 4$ ?

- Yêu cầu 1 em lên bảng chia sẻ kết quả.

- Yêu cầu học sinh nhận xét bài làm của bạn trên bảng.

- Giáo viên nhận xét chung.

*Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành bài tập*

**✪ Bài tập chờ:**

**Bài tập 3:** Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên.

em thực hiện phép tính  $5 \times 4$ .

- Vì có tất cả 4 chuồng thỏ như nhau, mỗi chuồng có 5 con thỏ, như vậy nghĩa là 5 con thỏ được lấy 4 lần nên ta thực hiện phép nhân  $5 \times 4$ .

- Học sinh làm bài-> chia sẻ

\*Dự kiến KQ:

**Bài giải**

Số con thỏ có tất cả là:

$$5 \times 4 = 20 \text{ (con)}$$

Đáp số: 20 con.

- Học sinh nhận xét.

- Học sinh tự làm bài sau đó báo cáo kết quả với giáo viên:

- Hình đã tô màu  $\frac{1}{2}$  số ô vuông là hình C.

- Hình đã tô màu  $\frac{1}{3}$  số ô vuông là hình A.

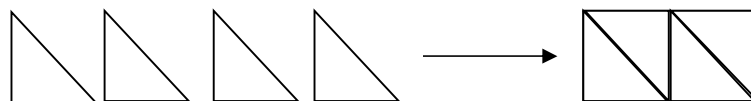
- Hình đã tô màu  $\frac{1}{4}$  số ô vuông là hình D.

- Hình đã tô màu  $\frac{1}{5}$  số ô vuông là hình B.

#### 4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)

- Cho học sinh chơi trò chơi: Thi xếp hình

ND: Xếp 4 hình tam giác thành hình chữ nhật( Xem hình vẽ)



- Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết dạy.

#### 5. HĐ sáng tạo: (1 phút)

- Giải bài toán sau: 1 lọ hoa có 5 bông hoa. Hỏi 4 lọ hoa như thế có tất cả bao nhiêu bông hoa?

- Giáo viên nhận xét tiết học.

- Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Sửa lại bài làm sai. Học thuộc bảng nhân từ 2 đến 5, bảng chia 2,3. Xem trước bài: **Giờ, phút.**

## ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

### LUYỆN TỪ VÀ CÂU

#### TỪ NGỮ VỀ SÔNG BIỂN. ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI VÌ SAO?

##### I. MỤC TIÊU:

###### 1. Kiến thức:

- Nắm được một số từ ngữ về sông biển (BT1,BT2)
- Bước đầu biết đặt và trả lời câu hỏi Vì sao? (BT3,BT4)

###### 2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng đặt câu.

###### 3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

###### 4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

##### II. CHUẨN BỊ:

###### 1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Bảng phụ viết sẵn bài tập 3. Bài tập 2 viết vào 2 tờ giấy, 2 bút màu.

- Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt

###### 2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

##### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<b>1. HĐ khởi động: (3 phút)</b> - TBHT gọi HS đọc bài thơ. <i>Tổ quốc tôi ba nghìn cây số biển.</i> - Nội dung bài thơ nói lên điều gì? - Giới thiệu bài mới: Tiết học hôm nay chúng ta sẽ học từ ngữ về sông biển, biết sử dụng cụm từ “Vì sao?” để đặt câu. - Ghi đầu bài lên bảng: <i>Từ ngữ về sông biển.</i> <b>Đặt và trả lời câu hỏi vì sao?</b>	- HS đọc bài thơ..  - HS trả lời. - Lắng nghe.  - Học sinh mở sách giáo khoa và vở Bài tập
<b>2. HĐ thực hành (27 phút)</b> <b>*Mục tiêu:</b> - Nắm được một số từ ngữ về sông biển (BT1,BT2) - Bước đầu biết đặt và trả lời câu hỏi Vì sao? (BT3,BT4) <b>*Cách tiến hành:</b>	

- GV giao nhiệm vụ cho HS
- GV trợ giúp HS hạn chế
- TBHT điều hành HĐ chia sẻ

**Bài 1: Làm việc theo nhóm – Chia sẻ trước lớp**

- Gọi học sinh đọc yêu cầu.
- Chia học sinh thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 4 học sinh. Phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy yêu cầu các em thảo luận với nhau để tìm từ theo yêu cầu của bài.

- Nhận xét tuyên dương các nhóm tìm được nhiều từ.

**Bài 2: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**

- Bài yêu cầu chúng ta làm gì?

- Yêu cầu học sinh chia sẻ kết quả.

- Giáo viên đánh giá, chốt đáp án: *sông; suối; hồ*

**Bài 3: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**

- Bài tập yêu cầu gì?

- Yêu cầu học sinh nối tiếp chia sẻ kết quả.

=>GV kết luận: Trong câu văn “Không được bơi ở đoạn sông này vì có nước xoáy.” thì phần được in đậm là lí do cho việc “Không được bơi ở đoạn sông này”, khi đặt câu hỏi cho lí do của một sự việc nào đó ta dùng cụm từ “Vì sao?” để đặt câu hỏi. Câu hỏi đúng cho bài tập này là: “Vì sao chúng ta không được bơi ở đoạn sông này?”

**Bài 4: Làm việc cặp đôi – Chia sẻ trước lớp**

- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?

- HS thực hiện theo yêu cầu (Trưởng nhóm điều hành chung)
- Dự kiến nội dung học sinh chia sẻ:

- Đọc yêu cầu.
- Thảo luận theo yêu cầu, sau đó một số học sinh đưa ra kết quả bài làm: *tàu biển, cá biển, tôm biển, chim biển, sóng biển, bão biển, lốc biển, mặt biển, rong biển, bờ biển, ...; biển cả, biển khơi, biển xanh, biển lớn, biển hồ, biển biếc, ...*

- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.

- Kiểm tra chéo trong cặp.

- Bài yêu cầu chúng ta tìm từ theo nghĩa tương ứng cho trước.

- Học sinh chia sẻ: *sông; suối; hồ*

- Học sinh lắng nghe.

- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.

- Đặt câu hỏi cho phần in đậm trong câu sau: Không được bơi ở đoạn sông này vì có nước xoáy.

- Kiểm tra chéo trong cặp

- Học sinh nối tiếp nhau phát biểu ý kiến.

- Nghe hướng dẫn và đọc câu hỏi: “Vì sao chúng ta không được bơi ở đoạn sông này?”

- Bài tập yêu cầu chúng ta dựa vào nội dung của bài tập đọc Sơn Tinh, Thủy Tinh để trả lời câu hỏi.

- Yêu cầu 2 học sinh ngồi cạnh nhau thực hành hỏi đáp với nhau theo từng câu hỏi.

*Lưu ý giúp đỡ để đối tượng MI hoàn thành bài tập*

- Nhận xét học sinh.

- Thảo luận cặp đôi, sau đó một số cặp học sinh trình bày trước lớp.

a) Vì sao Sơn Tinh lấy được Mị Nương?

- Sơn Tinh lấy được Mị Nương vì chàng là người mang lễ vật đến trước.

b) Vì sao Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh?

- Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh vì chàng không lấy được Mị Nương.

c) Vì sao ở nước ta có nạn lụt?

- Hằng năm, ở nước ta có nạn lụt vì Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh.

### **3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)**

- Hỏi lại tựa bài.

- Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết học.

- Nhận xét tiết học. Tuyên dương những học sinh có tinh thần học tập tốt.

### **4. HĐ sáng tạo (2 phút)**

- Viết một đoạn văn khoảng 3– 5 nói về sông biển .

- Nhắc nhở học sinh về nhà xem lại bài đã làm, chuẩn bị bài sau: *Từ ngữ về sông biển. Dấu phẩy*

## **ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....  
.....  
.....

## **THỂ DỤC:**

### **ĐI NHANH CHUYỂN SANG CHẠY. TRÒ CHƠI NHẢY ĐÚNG, NHẢY NHANH**

#### **I/ MỤC TIÊU:**

##### **1. Kiến thức: *Giúp học sinh:***

- Thực hiện được đi nhanh chuyển sang chạy

- Biết cách chơi và tham gia chơi được.

##### **2. Kỹ năng: Rèn sức bền, dẻo, khéo léo. Tác phong nhanh nhẹn.**

**3. Thái độ:** Có ý thức chấp hành, tuân thủ kỷ luật, tuân thủ luật chơi. Yêu thích vận động, thích tập luyện thể dục thể thao.

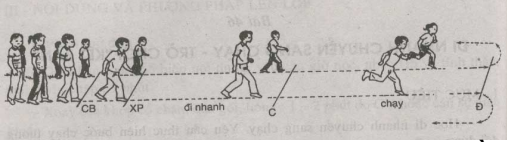
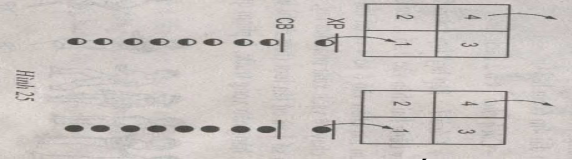
**4. Năng lực: :** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học, NL vận động cơ bản và phát triển các tố chất thể lực, NL hoạt động thể dục, thể thao, NL giao tiếp – hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL quan sát – Thực hành,...

#### **II/ ĐỊA ĐIỂM - PHƯƠNG TIỆN:**

- Địa điểm : Sân trường. Vệ sinh an toàn nơi tập.

- Phương tiện: Còi.

### III/ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LÊN LỚP:

NỘI DUNG	ĐỊNH LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC
<p><b><u>I/ MỞ ĐẦU</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên: Nhận lớp phổ biến nội dung yêu cầu giờ học</li> <li>- Gọi 4 học sinh lên thực hiện lại động tác đã học ở tiết trước: Đi nhanh chuyển sang chạy, Đi thường theo vạch kẻ thẳng, hai tay chống hông và dang ngang.</li> <li>- Giáo viên nhận xét.</li> <li>- Quan sát, nhắc nhở học sinh khởi động các khớp: cổ, cổ tay, hông, gối,...</li> </ul>	6p	<p>Đội Hình</p> <p>* * * * * * * *</p> <p>* * * * * * * *</p> <p>* * * * * * * *</p> <p>* * * * * * * *</p> <p>GV</p>
<p><b><u>II/ CƠ BẢN:</u></b></p> <p><b>Việc 1: Đi nhanh chuyển sang chạy</b></p>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích lại kỹ thuật của động tác đồng thời kết hợp thị phạm cho học sinh nhớ lại kỹ thuật.</li> <li>- Giáo viên hướng dẫn và tổ chức học sinh luyện tập.</li> <li>+ Học sinh tập luyện theo nhóm (trưởng nhóm điều hành)</li> <li>- Giáo viên quan sát, nhắc nhở.</li> <li>- TB. TDTT điều hành cho các nhóm thi</li> <li>- GV- HS đánh giá</li> <li><i>+ Chú ý theo dõi đối tượng M1</i></li> </ul>	<p>26p</p> <p>16p</p> <p>2-5 lần</p>	
<p><b>Việc 2: Trò chơi “Nhảy đúng, nhảy nhanh”</b></p>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích lại cho học sinh nắm được cách chơi.</li> <li>- Sau đó cho học sinh chơi thử.</li> <li>- Nêu hình thức xử phạt.</li> <li>+ Tổ chức cho HS chơi nháp -&gt; chơi thật</li> <li>+ GV theo dõi, khuyến khích HS nhứt nhát tham gia chơi</li> <li>- GV cùng HS đánh giá, tuyên dương</li> <li><i>(Khích lệ đối tượng M1 tham gia tích cực)</i></li> </ul>	<p>10p</p> <p>2-4 lần</p>	
<p><b><u>III. Phần kết thúc</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn học sinh các động tác thả lỏng toàn</li> </ul>	5p	Đội hình xuống lớp

thân. - Học sinh đứng tại chỗ vỗ tay hát. - Hệ thống lại bài học. - Yêu cầu nội dung về nhà ôn lại các động tác đã học.	* GV
--	--

## ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

*Thứ năm ngày 21 tháng 2 năm 2019*

## TOÁN

### TIẾT 119: GIỜ, PHÚT

#### I. MỤC TIÊU:

##### 1. Kiến thức:

- Biết 1 giờ có 60 phút.
- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 12, số 3, số 6.
- Biết đơn vị đo thời gian: giờ, phút
- Biết thực hiện phép tính đơn giản với các số đo thời gian.

##### 2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng xem đồng hồ.

##### 3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

\*Bài tập cần làm: bài tập 1,2,3.

##### 4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

#### II. CHUẨN BỊ:

##### 1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, mô hình đồng hồ (bằng nhựa hoặc bằng bìa). Đồng hồ để bàn và đồng hồ điện tử (nếu có).
- Học sinh: Sách giáo khoa.

##### 2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não.

#### II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<b>1. HĐ khởi động: (3 phút)</b>	
+ TBHT điều hành trò chơi: <b>Bắn tên:</b> + Nội dung chơi: - Lên quay đồng hồ ( chỉ 7 giờ 30 phút) - Đồng hồ dùng để làm gì? (...)	- Học sinh tham gia chơi.



<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng hồ dùng để xem thời gian, xem giờ, xem phút. Bài học hôm nay sẽ giúp các em xem đồng hồ khi chỉ số 12, số 3, số 6.</li> <li>- Giáo viên ghi đầu bài lên bảng: <b>Giờ, phút.</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe.</li> <li>- Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.</li> </ul>
<p><b>2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút)</b></p>	
<p><b>*Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết 1 giờ có 60 phút.</li> <li>- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 12, số 3, số 6.</li> <li>- Biết đơn vị đo thời gian: giờ, phút.</li> </ul> <p><b>*Cách tiến hành:</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên nói: “Ta đã học đơn vị đo thời gian là giờ. Hôm nay ta học thêm một đơn vị đo thời gian khác, đó là phút”.</li> <li>/?/Ở nhà các em có nghe được ai nói 1 giờ bằng bao nhiêu phút không?</li> <li>- Giáo viên viết: 1 giờ = 60 phút.</li> <li>- Giáo viên sử dụng mô hình đồng hồ, kim đồng hồ chỉ vào 8 giờ. Hỏi học sinh: “Đồng hồ đang chỉ mấy giờ?”</li> <li>- Giáo viên quay tiếp các kim đồng hồ sao cho kim phút chỉ vào số 3 và nói: “Đồng hồ đang chỉ mấy giờ?”</li> <li>- Sau đó tiếp tục quay kim đồng hồ sao cho kim phút chỉ số 6 và nói: “Lúc này đồng hồ chỉ? giờ”</li> <li>- Giáo viên ghi: 8 giờ 30 phút hay 8 giờ rưỡi.</li> <li>a) Giáo viên gọi học sinh lên bảng làm các công việc như nêu trên để cả lớp theo dõi và nhận xét.</li> <li>b) Giáo viên yêu cầu học sinh tự làm trên các mô hình đồng hồ của từng cá nhân, lần lượt theo các lệnh, chẳng hạn:</li> <li>c) “Đặt đồng hồ chỉ 10 giờ; 10 giờ 15 phút; 10 giờ 30 phút”.</li> </ul> <p><i>Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh lắng nghe.</li> <li>- Học sinh traop đổi N2 -&gt; trả lời</li> <li><i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i></li> <li>- Học sinh lắng nghe ghi nhớ</li> <li>- Đồng hồ đang chỉ 8 giờ.</li> <li>- Học sinh chỉ 8 giờ 15 phút” rồi viết: 8 giờ 15 phút.</li> <li>- Học sinh chỉ; 8 giờ 30 phút hay là 8 giờ rưỡi)</li> <li>- Học sinh lên bảng làm theo hiệu lệnh của Giáo viên. Bạn nhận xét.</li> <li>- Học sinh tự làm trên các mô hình đồng hồ chỉ: 10 giờ; 10 giờ 15 phút; 10 giờ 30 phút.</li> </ul>
<p><b>3. HĐ thực hành: (14 phút)</b></p>	
<p><b>*Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết 1 giờ có 60 phút.</li> <li>- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 12, số 3, số 6.</li> <li>- Biết đơn vị đo thời gian: giờ, phút.</li> <li>- Biết thực hiện phép tính đơn giản với các số đo thời gian.</li> </ul> <p><b>*Cách tiến hành:</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>+GV giao nhiệm vụ học tập cho HS</li> <li>+GV trợ giúp HS hạn chế</li> <li>+TBHT điều hành hoạt động chia sẻ</li> </ul> <p><b>Bài 1: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+HS thực hiện nghiêm túc YC</li> <li>+HS chia sẻ, tương tác cùng bạn</li> <li><i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i></li> <li>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</li> </ul>

- Yêu cầu học sinh nối tiếp nhau chia sẻ kết quả.
- Giáo viên có thể hướng dẫn học sinh trước hết quan sát kim giờ (để biết đồng hồ đang chỉ mấy giờ) sau đó quan sát kim phút để biết đồng hồ chỉ bao nhiêu phút (15 phút hay 30 phút) rồi trả lời câu hỏi theo yêu cầu.
- Giáo viên nhận xét chung.

**Bài 2: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**

- Mời các tổ nối tiếp báo cáo kết quả.

- Yêu cầu học sinh nhận xét bài làm của bạn.
- Giáo viên nhận xét chung.

**Bài 3: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**

- Giáo viên lưu ý học sinh: yêu cầu của đề bài là thực hiện các phép tính cộng, trừ trên số đo thời gian với đơn vị là giờ. Học sinh không được viết thiếu tên đơn vị “giờ” ở kết quả tính.
- Yêu cầu 3 em lên bảng chia sẻ kết quả, mỗi em làm 2 ý.

- Yêu cầu học sinh nhận xét bài bạn trên bảng.
- Nhận xét bài làm từng em.

*Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành bài tập*

**🔗 Bài tập chò: Tính:**

- 4 giờ + 3 giờ =
- 8 giờ + 5 giờ =
- 24 giờ - 8 giờ =
- 19 giờ - 6 giờ =
- 10 giờ + 11 giờ =

- Yêu cầu học sinh tự làm bài và báo cáo kết quả với giáo viên.

- Kiểm tra chéo trong cặp.
- Học sinh nối tiếp chia sẻ.
- + Đồng hồ A chỉ 7 giờ 15 phút
- + Đồng hồ B chỉ 2 giờ 30 phút
- + Đồng hồ C chỉ 11 giờ 30 phút
- + Đồng hồ D chỉ 3 giờ.

- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.

- Kiểm tra chéo trong cặp.
- Học sinh chia sẻ kết quả:
- + Tranh vẽ Mai ngủ dậy lúc 6 giờ thì ứng với đồng hồ C.
- + Tranh vẽ Mai ăn sáng lúc 6 giờ 15 phút thì ứng với đồng hồ D.
- + Tranh vẽ Mai đến trường lúc 7 giờ 15 phút thì ứng với đồng hồ B.

- + Tranh vẽ Mai tan học về lúc 11 giờ 30 thì ứng với đồng hồ A.

- Học sinh nhận xét.
- Lắng nghe.
- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.
- Kiểm tra chéo trong cặp.

- Học sinh chia sẻ:

*\*Dự kiến KQ chia sẻ:*

- 5giờ + 2giờ = 7giờ
- 4giờ + 6giờ = 10giờ
- 8giờ + 7giờ = 15giờ
- 9giờ - 3giờ = 6giờ
- 12 giờ - 8 giờ = 4 giờ
- 16 giờ - 10 giờ = 6 giờ

- Học sinh tự làm bài rồi báo cáo với giáo viên:

- 4 giờ + 3 giờ = 7 giờ
- 8 giờ + 5 giờ = 13 giờ
- 24 giờ - 8 giờ = 16 giờ
- 19 giờ - 6 giờ = 13 giờ
- 10 giờ + 11 giờ = 21 giờ

**4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)**